



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION, /

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN KHUE
Last Middle First

Current Address 25 DOC LAP STREET THAPCHAM THUAN HAI PROV.
V.N.

Date of Birth APRIL 10, 1939 Place of Birth DO VINH THAPCHAM THUAN HAI

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN, COMMANDER 1st/662 COMMUNICATION CENTER NHATRANG
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From MAY 26, 1975 To NOVEMBER 2, 1980

SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

DAO NGOC TU

A GOOD FRIEND

SAN JOSE CA. 95.121

FOR OFFICER ARVN
MER.

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: Nov 20, 1989

Huynh Van Khue
HUYNH VAN KHUE

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH VAN KHUE
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL 10 1959
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): MARRIED
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 25, DOCLAP STREET THAPCHAM
 (Dia chi tai Viet-Nam) THUAN-HAI PROVINCE VN
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) YES No (Khong) _____
 If Yes (Nau co): From (Tu): MAY 26, 1975 To (Den): NOV 2, 1980
 PLACE OF RE-EDUCATION: A-3C CAMP PHU-YEN PHU-KHANH PROVINCE
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): JOB LESS
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN, COMMANDER 1ST/662 COMMU CENTER
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chief (Truong)
 Date (nam): 1966-1975
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): NO
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 25 DOCLAP STREET THAPCHAM
THUAN HAI PROVINCE
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)

 U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): NO
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____
 NAME & SIGNATURE: HUYNH VAN KHUE Khue
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
25 DOCLAP STREET THAPCHAM THUAN HAI VN
 DATE: NOVEMBER 20 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HO THI THU-CUC	JAN 10, 1940	WIFE
HUYNH THI VAN-KHANH	SEPT 30, 1966	DAUGHTER
HUYNH THI KIEU-NGA	MAR 17, 1968	—
HUYNH THI KIEU-TRINH	JAN 16, 1970	—
HUYNH HO DAC-CHUNG	NOV 26, 1971	SON
HUYNH THI KIEU-DIEM	AUG 14, 1973	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- A copy of my release certificate
- A marriage certificate
- The birth certificates of my children. (5)

Số: 643 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22.8.1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29.12.1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên nguy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Trại Cải tạo A.30 ty công an Phú Khánh quản lý.

— Căn cứ quyết định số: 141/QĐ ngày 30. Tháng 9 năm 1980 của Bộ Nội Vụ Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1— Nay cấp giấy ra trại cho anh, chỉ có tên sau đây:

— Họ và tên: Trịnh Văn Khuê — Bí danh: _____
— Họ tên thường gọi: Khuê
— Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1947
— Sinh quán: Đo Vinh, m. Sơn Bình Sơn Việt Nam
— Trú quán: 11 Khu 2 Khóm 2 Đo Vinh Thập Châm Thuận Hải
— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Khơ
— Tôn giáo: Phật giáo — Đảng phái: Không
+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Đại úy
Quản trung tâm tưởng trung tâm Viên Thông
— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 26.5.1975
— Nay về cư trú tại: 11 Khu 2 Nhóm 1 Đo Vinh Thập Châm Thuận Hải

2— Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quân chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 2 tháng 11 năm 1980

Lấn tay ngón trở phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Danh bản số: _____

Lập tại: _____

Trịnh Văn Khuê

Am

Đô-thành Tỉnh hay
Thị xã NINH-THUẬN
Quận BÙI-SƠN
Xã AN-SƠN

(CHÚNG-THƯ HÔN-THÚ)

— — † † † † — —

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

Xã AN-SƠN, ngày 27 tháng 12 năm 1965

Viên chức Hộ-tịch,

Chin-Fish-Vien-Ho-Tsch

(RẦN-QUANG-DIỆU)

THAM TUNG CHỦ KÝ

Ông, Brian Leung Diên
Chức tước tá An Sơn

29 tháng 12 năm 1965

Đoàn Trưởng Đoàn Trưởng

QUARTERMASTER

Tên họ ấu nhi : HUYNH-THI VÂN-KHANHPhái (Nam hay Nữ) HuSanh : Ngày ba mươi tháng chín năm một ngàn chín
(Ngày tháng năm) trăm sáu mươi sáu (30-9-1966)Tại : Ấp Phu-trinh, PhanhiếtCha : Huynh-van-Khuê(Tên họ)
Tuổi : Hai mươi bảy (27) tuổiNghề : Quân-nhânCư trú tại : KBC. 4420Mẹ : Hồ-thi Thu-Cúc(Tên họ)
Tuổi : Hai mươi sáu (26) tuổiNghề : Buôn bánCư trú tại : Ấp Phu-trinh, PhanhiếtVợ : Chanh(Chánh hay thứ)
Người khai : Hồ-Hanh(Tên họ)
Tuổi : Ba mươi bốn (34) tuổiNghề : Quân-nhânCư trú tại : KBC. 3434Ngày khai : Ngày 3 tháng 10 năm 1966Người chứng thứ nhất : Nguyễn-Xa(Tên họ)
Tuổi : Năm mươi (50) tuổiNghề : Cán sátCư trú tại : Ấp Phu-trinh, PhanhiếtNgười chứng thứ nhì : Nguyễn-thi-Mit(Tên họ)
Tuổi : Ba mươi (30) tuổiNghề : Buôn bánCư trú tại : Ấp Phu-trinh, PhanhiếtLập tại Xa Phanhiết, ngày 3 tháng 10- 19 66

Người khai,

Hộ lại,

HỒ-Hanh

Nhân chứng

Người chứng thứ nhất,

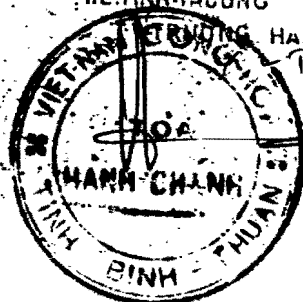
Nguyễn-Xa

PHUNG TRICH LUC
Phanhiết, ngày 14/10/1966
Uy-viên hồ-tích

Người chứng thứ nhì,

Nguyễn-thi-Mit

QUÂN-NHÂN

THỰC CHỮ KÝ TRƯỞNG CỦA ỦY BAN
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
K. TIPO-LAIXA. CH. CH. PHANTHIET
PHANTHIET NG. 8-12-1966
LL. TÍNH-TRƯỜNG BÌNH-THUAN

HỒ SẪM



ĐINH NGỌC QUANG

TỈNH BÌNH-DUẬN
QUẬN BỐU-SƠN
XÃ AN-SƠN

Số hiệu 195

KHAI - SANH

MIỄN LỆ PHÍ
Quân nhân

Tên họ ấu nhi **HUYỀN THỊ KIỀU-NGA**
Phái **Nữ**
Sanh (ngày tháng năm) **Ngày mười bảy tháng ba năm một nghìn chín trăm sáu mươi tám (17-03-1968)**
Tại **Nhà Hộ-Sinh NGHỆ-THU Tháp-Chùa**
Cha (tên họ) **HUYỀN VAN-KHƯ**
Tuổi **Mười chín tuổi (29 tuổi)**
Nghề nghiệp **Quân-Nhân**
Cư - trú tại **KDC. 3110**
Mẹ (tên họ) **NỖ THỊ THU-ỒC**
Tuổi **Mười tám tuổi (28 tuổi)**
Nghề nghiệp **Hội-Trợ**
Cư - trú tại **Bố-Vinh, An-Sơn, Bửu-Sơn, Ninh-Thọ**
Vợ (chánh hay thứ) **CHÍNH**
Người khai (tên họ) **HUYỀN VAN-KHƯ**
Tuổi **Mười chín tuổi (29 tuổi)**
Nghề nghiệp **Quân-Nhân**
Cư - trú tại **KDC. 3110**
Ngày khai **Ngày 20 tháng 03 năm 1968**

Người chứng thứ nhất (tên họ) **LÊ VAN-ỒC**
Tuổi **Ba mươi ba tuổi (33 tuổi)**
Nghề nghiệp **Quân-Nhân**
Cư - trú tại **Bố-Vinh, An-Sơn, Bửu-Sơn, Ninh-Thọ**
Người chứng thứ nhì (tên họ) **HUYỀN VAN-THỤ**
Tuổi **Mười chín tuổi (29 tuổi)**
Nghề nghiệp **Quân-Nhân**
Cư - trú tại **Bố-An, An-Sơn, Bửu-Sơn, Ninh-Thọ**

Làm tại **Xã An-Sơn**, ngày **20 tháng 3** năm 1968

Người khai, **HUYỀN VAN-KHƯ (ký)** Hộ lợi, **Sở KI-SANG (ký và dấu)** Nhân chứng 1: **LÊ VAN-ỒC (ký)**
Nhân chứng 2: **HUYỀN VAN-THỤ (ký)**

MIỄN TRỢ CHỮ-KÝ :

Đại úy **Sở KI-SANG**, Chủ-Tịch
Liên Hộ-Tịch **Xã An-Sơn** cũ ký
đón đây.

Lập-Chức: **Ngày 20 tháng 3 năm 1968.**

Kính-Chức: **BỐU-SƠN**

Phó Chủ-Tịch

QUẢN-TRƯỞNG

QUẢN-TRƯỞNG

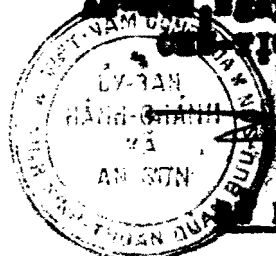
QUẢN-TRƯỞNG

QUẢN-TRƯỞNG

TRƯỚC-LỰC Y DÂN-CHÍNH :

AN-SƠN, Ngày **20 tháng 3** năm 1968.

CHỦ-TỊCH LIÊN HỘ-TỊCH



SỞ KI-SANG

TỈNH NINH-THUẬN.

QUẬN BÙU - SƠN

XÃ AN - SƠN.

Số hiệu 59

KHAI SANH

Tên họ ấu nhi HUYỀN-THỊ KINH-TRINH

Phái Nữ

Sanh (ngày tháng năm) Ngày Mười sáu, tháng Giêng năm một ngàn chín trăm bảy mươi. (16.01.1970)

Tại Đô-Vinh, An-Sơn, Bưu-Sơn - NINH-THUẬN.

Cha (tên họ) Nguyễn-Văn-Khuê

Tuổi 31 tuổi

Nghề nghiệp Quân-nhân

Cư trú tại KBC.3.262

Mẹ (tên họ) Hồ-thị Thu-Cúc

Tuổi 30 tuổi

Nghề nghiệp Hội-trợ

Cư trú tại Đô-Vinh, An-Sơn, Bưu-Sơn - NINH-THUẬN.

Vợ (chánh hay thứ) Chánh

Người khai (tên họ) Nguyễn-Văn-Khuê

Tuổi 31 tuổi

Nghề nghiệp Quân-nhân

Cư trú tại KBC.3262

Ngày khai ngày 20 tháng 01 năm 1970.

Người chứng thứ nhất (tên họ) Võ-Văn-Chấn

Tuổi 31 tuổi

Nghề nghiệp Quân-nhân

Cư trú tại KBC.3.262

Người chứng thứ nhì (tên họ) Phan-Ngọc-Hải

Tuổi 32 tuổi

Nghề nghiệp Quân-nhân

Cư trú tại KBC.3.262.

Làm tại Xã AN-SƠN ngày 20/01 năm 1970

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng.

NHẬN THỰC CHỮ KÝ

Ông Bùi Văn Lữ HUYỀN-VĂN-KHUÊ

Phó tịch xã An Sơn (Ký tên) (Ký tên và đóng dấu)

43 ký đây.

THAB: ...

...

...

...

...

...

...

...

TỬ-VĂN-CƯỜNG VÕ-VĂN-CHẤN (Ký tên.

(Ký tên và đóng dấu) PHAN-NGỌC-HẢI (Ký tên

TRỊC LƯU Y BẢN CHẤM

... tháng 01 năm 1970

...

...

...

...

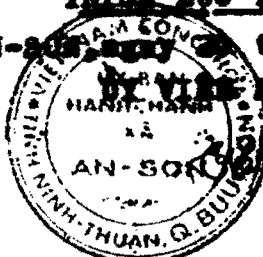
...

...

...



TÔN-THẤT-LUY
Phó Đoàn-Sư



TỬ-VĂN-CƯỜNG

TỈNH NINH-THUAN
QUẬN BUU-SON
XÃ AN-SON.

KHAI SANH

Số hiệu 1.134

Tên họ ấu nhi HUYNH-NO ĐAC-CHUNG
Phái Nam
Sanh (ngày tháng năm) Ngày Hai mươi sáu Tháng Mười Một, Năm Một ngàn chín trăm bảy mươi một. (26.11.1971)
Tại Berh-xa, Thap-Cham.
Cha (tên họ) HUYNH-VAN-KHUE,
Tuổi Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề-nghiep Quan-Nhan,
Cư-trú tại KBC.3.262.
Mẹ (tên, họ) HO-THI THU-CUC.
Tuổi Ba mươi một tuổi (31)
Nghề-nghiep Nói-tro.
Cư-trú tại Đo-Vinh - NINH-THUAN.
Vợ (chánh hay thứ) Chanh,
Người khai (tên họ) HUYNH-VAN-KHUE.
Tuổi Ba mươi hai tuổi (32).
Nghề-nghiep Quan-nhan.
Cư-trú tại KBC.3.262.
Ngày khai Ngày 29 tháng 11 năm 1971.
Người chứng thứ nhất (tên họ) PHAM - PHAM.
Tuổi Bảy mươi bốn tuổi (74)
Nghề-nghiep Lam thue.
Cư-trú tại Bao-An - Ninh-Thuan.
Người chứng thứ nhì (tên họ) TON-THAT-HA.
Tuổi Ba mươi một tuổi (31)
Nghề-nghiep Quan-nhan.
Cư-trú tại KBC.3.262.

Làm tại AN - SON ngày 29 tháng 11 năm 1971.

Người khai,
HUYNH-VAN-KHUE
(Ký tên)

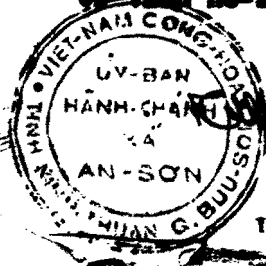
Hộ-lợi
TU-VAN-CUONG
(Ký tên)

Nhân-chứng,
PHAM - PHAM (ký tên)
TON-THAT-HA (Ký tên)

TRICH-LUC BAN CHINH.

AN-SON, ngày 29 tháng 11 năm 1971.

ỦY-VIÊN HO-TICH.



TU-VAN-CUONG

MIỄN THỊ-THỰC
TC. THÔNG-TU BỘ NỘI VỊ,
Số. 4366/BNV/HC/29
Ngày 3-8-1970

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH MINH THUẬN

QUẬN HUỖ SƠN

XÃ AN SƠN

Số hiệu: 607

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 16 tháng 08 năm 19 73

Tên họ đứa trẻ: HUYỀN-THỊ KIỀU-DIỄM

Con trai hay con gái: Gái

Ngày sanh: Mười bốn, tháng tám, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi ba (14.08.1973)

Nơi sanh: Bệnh xá Thạnh-Chơn

Tên họ người cha: HUYỀN-VĂN-KHUE

Tên họ người mẹ: HỒ-THỊ THU-CÚC

Vợ chánh hay không có hôn-thú: Chánh

Tên họ người đứng khai: HUYỀN-VĂN-KHUE

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

AN SƠN, ngày 16 tháng 08 năm 19 73

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH,

Xã Trưởng Miêm Hộ Tịch

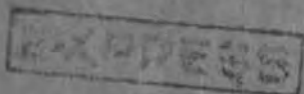


MIỀN THỊ-THỰC
(TC. THÔNG-TƯ BỘ NỘI VỤ)
Số. 4366/BNV/HC/29
Ngày 3-8-1970

FROM: HUYNH VAN KHUE

25, DOC-LAP STREET

DO VINH THAP CHAM, THUAN-HAI PROVINCE



DEC 05 1989

TO: MRS. KHUC MINH-THO

P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205

U.S.A

A² vau
computer

COMPUTERIZED

4/90

C O N T R O L

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form: 12/9/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter